TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2024/HS-ST
Ngày 30- 8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn

Bà Dương Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Long- Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 163/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024, theo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/HSST-QĐ ngày 05/8/2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thế T**, sinh ngày 09/01/2007, tại L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; con ông: Nguyễn Văn D (đã chết) và bà: Phạm Thị C; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 14/8/2023 đến ngày 23/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Bạch D1**, sinh ngày 30/5/2006, tại huyện H, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: thôn S, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị T1; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 14/8/2023 đến ngày 23/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

Người đại diện cho bị cáo Nguyễn Thế T: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Hoàng Trọng N – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. (Có mặt)

Người đại diện cho bị cáo D1: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo D1: Bà Nguyễn Thị H1 – Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. (Có mặt)

Bị hại: Anh Đặng Văn H2, sinh ngày 04/01/2006 (Có mặt)

Địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị H3, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Bản B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Thân Văn T2, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

3. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người làm chứng:

Anh Hoàng Quốc B, sinh ngày 01/01/2006 (Vắng mặt)

Người tham gia tố tụng khác:

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang do anh Nguyễn Thành C1 –Bí thư đoàn xã đại diện (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thế T, sinh ngày 09/01/2007, trú tại thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Thị Bạch D1, sinh ngày 30/5/2006, trú tại thôn S, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ tình cảm yêu đương nhau từ tháng 4 năm 2023. T và D1 cùng làm công nhân thời vụ tại Công ty E thuộc khu Công nghiệp Đ, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Quá trình làm việc tại đây, T và D1 có quen biết với anh Đặng Văn H2- sinh ngày 04/11/2006, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là người cùng làm công nhân tại Công ty E (Không có

hợp đồng lao động). Khoảng tháng 4/2023, T vay anh H2 số tiền 500.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Ngày 05/7/2023, T tiếp tục vay anh H2 số tiền 500.000 đồng và T hứa hẹn trong vòng hai ngày sau sẽ trả lại tiền cho anh H2. Quá thời hạn trả tiền không thấy T trả tiền nên anh H2 nhiều lần đòi tiền nhưng T không trả; việc T nợ tiền anh H2 chưa trả và bị anh H2 nhiều lần đòi tiền thì T có kể lại cho D1 biết.

Khoảng 17 giờ ngày 03/8/2023, anh H2 đi đến quán B1-a "PARIS" thuộc tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang ngồi uống nước. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T và D1 đi chơi qua quán bi-a "PARIS" nhìn thấy anh H2 đang ngồi một mình ở trong quán nên T bảo D1 đi cùng T vào trong quán bi-a "PARIS" để cùng nói chuyện với anh H2 về việc vay nợ tiền giữa T và anh H2 thì được D1 đồng ý. Sau đó, T đi vào trước, D1 đi vào sau; khi đi đến chỗ anh H2 đang ngồi thì T ngồi ở ghế dài cạnh bên phải còn D1 đứng cạnh T, thấy anh H2 trên tay đang cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng để chơi game. Tại đây, T nói với anh H2 "*Mày ra ngoài tao nói chuyện*" nhưng anh H2 không đồng ý đi ra ngoài. Lúc này, D1 nói "*Hôm trước mày cho người tìm tao để làm gì*" thì anh H2 không trả lời; thấy anh H2 không trả lời nên D1 dùng tay phải tát một cái trúng vào vùng mặt anh H2 và đấm 01 cái trúng vào vùng mang tai anh H2. Do bị đánh nên anh H2 sợ và trả lời D1 "Để đòi nợ"; D1 tiếp tục nói với anh H2 "Tao nợ gì mày", thì anh H2 trả lời "Mày không nợ nhưng T nợ". Lúc này, có anh Hoàng Quốc B- sinh năm 2006, trú tại thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang là nhân viên quán bi-a "PARIS" thấy T, D1 và anh H2 xảy ra xô xát nên anh B đi đến nói "Đây là quán của em, làm gì thì ra ngoài". Sau đó, T tiếp tục bảo anh H2 đi ra ngoài nói chuyện nhưng anh H2 sợ không giám đi ra ngoài nên T dùng tay trái túm lấy cổ áo của anh H2 lôi anh H2 đứng dậy, đẩy T đi ra ngoài quán, còn D1 đi phía sau anh H2. Ra đến cửa quán bi-a "PARIS" thì T, D1 và anh H2 rẽ phải vào đường dân sinh. Lúc này, anh H2 cất điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng, dung lượng 32GB đang cầm ở tay phải vào túi quần phía sau bên phải đang mặc. Khi đi ra đường dân sinh cách cửa quán bi-a "PARIS" khoảng 30 mét, anh H2 sợ bị T và D1 tiếp tục đánh nên anh H2 dùng tay phải lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng từ túi quần phía sau bên phải ra cầm ở tay phải mục đích để bấm số điện thoại gọi điện thoại cho anh D1 (là người quen biết ở cùng quê với anh H2; không biết họ tên đệm, tuổi và địa chỉ cụ thể của anh D1) để anh D1 đến nói chuyện với T và D1. Lúc này, T thấy anh H2 sử dụng điện thoại nên T dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Iphone 6S Plus của anh H2 đang cầm ở tay phải. Do bị T giật điện thoại nên anh H2 giằng lại thì T giật mạnh chiếc điện thoại rời khỏi tay anh H2 và giơ chiếc điện thoại của anh H2 lên cao không cho anh H2 lấy lại; anh H2 tiếp tục nhảy lên với lại chiếc điện thoại T đang cầm thì T quát "*Mày không bỏ ra tao đập điện thoại*" nên anh H2 sợ hãi và không dám đòi lại điện thoại nữa. Cùng lúc, D1 thấy T giật điện thoại của anh H2 và khi anh H2 đòi lại điện thoại nhưng T không trả thì D1 biết T có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh H2. Thấy anh H2 có biểu hiện sợ hãi nên T và D1 đã yêu cầu anh H2 ra khu vực ghế đá cách đó khoảng 10 mét ngồi nói chuyện nhằm mục đích đe dọa, đánh anh H2 làm anh H2 sợ để chiếm đoạt chiếc điện thoại. Lúc này, anh H2 nói với T

"*Trả điện thoại cho tao*" thì T nói "*Ra đây nói chuyện rồi tao trả*"; T cầm điện thoại ở tay phải và dùng tay trái túm cổ áo của anh H2, cùng D1 đi phía sau bắt anh H2 đi ra khu vực ghế đá ngồi nói chuyện. Khi ra đến khu vực ghế đá, T và D1 yêu cầu anh H2 ngồi xuống ghế đá, T và D1 mỗi người đứng một bên anh H2 nhằm mục đích làm anh H2 sợ hãi không dám phản kháng. Lúc này, anh H2 tiếp tục đòi T trả lại chiếc điện thoại T đang cầm ở tay phải nên T chuyển điện thoại sang tay trái và dùng tay phải tát mạnh 03 cái trúng vào mặt anh H2 làm cho anh H2 sợ hãi không giám đòi lại điện thoại nữa. Lúc này, T và D1 thấy anh H2 sợ hãi nên D1 tiếp tục quát "Hôm trước mày dẫn ai lên tìm tao, tìm tao để làm gì" thì anh H2 nói "Để đòi tiền T". Trong lúc ngồi nói chuyện về việc nợ tiền với T và D1 ở ghế đá thì anh H2 tiếp tục đòi D1 trả lại chiếc điện thoại. Do muốn cùng T chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh H2 nên D1 đã dùng chân phải đạp liên tiếp 02 cái trúng vào vùng mặt anh H2 làm anh H2 sợ hãi không giám đòi lại điện thoại. Sau mỗi lần anh H2 đòi lại điện thoại thì đều bị T và D1 dùng vũ lực đánh nên anh H2 sợ hãi không dám đòi lại điện thoại nữa; anh H2 phải xin T, D1 cho đi vệ sinh thì T và D1 đồng ý. Anh H2 một mình đi vào một quán nước cùng dãy với quán bi-a "PARIS" nhưng không nhớ tên, địa chỉ quán. Tại đây, anh H2 gặp và mượn điện thoại di động của một thanh niên (Hiện nay không rõ lai lịch, địa chỉ) đang ngồi uống nước tại quán để liên lạc với anh D1 (anh D1 là bạn anh H2). Sau khi mượn được điện thoại, anh H2 đăng nhập vào tài khoản facebook của anh H2 và gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger cho anh D1 nhờ anh D1 đến đòi lại chiếc điện thoại di động T và D1 đang chiếm đoạt cho anh H2. Trong lúc anh H2 đi vào quán nước để đi vệ sinh thì T và D1 cùng nhau mở mật khẩu khóa màn hình chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus chiếm đoạt được của anh H2 mục đích để sử dụng hoặc mang bán sau khi chiếm đoạt được. Thanh nhập thử mật khẩu vào máy của anh H2 nhưng không đúng thì đưa lại điện thoại của anh H2 cho Dương nhập mật khẩu. D1 thử nhập mật khẩu khoảng 2 đến 3 lần nhưng không mở được mật khẩu nên đưa lại điện thoại cho T. Lúc này, T cầm điện thoại nghĩ anh H2 sinh năm 2006 nên nhập mật khẩu mở khóa màn hình là "2006" thì mở được khóa màn hình điện thoại của anh H2. Sau khi mở được điện thoại của anh H2, do sợ việc T và D1 đánh sau đó chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh H2 bị phát hiện, xử lý nên T và D1 bàn bạc với nhau khi anh H2 ra sẽ bắt anh H2 phải nói nội dung "T và D1 không còn nợ nần gì anh H2 nữa, nếu sau này T và D1 xảy ra việc gì thì sẽ không phải chịu trách nhiệm" để quay lại video làm bằng chứng nếu việc T và D1 chiếm đoạt điện thoại của anh H2 bị phát hiện, xử lý. Khoảng 05 phút sau, anh H2 đi ra khu vực ghế đá gặp T và D1. Tại đây, anh H2 tiếp tục đòi T và D1 trả lại điện thoại nhưng T và D1 không trả. Lúc này, T bảo D1 lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng, dung lượng 64 GB của D1 ra quay lại video clip bắt anh H2 phải nói nội dung "T và D1 không còn nợ nần gì anh H2 nữa, nếu sau này T và D1 xảy ra việc gì thì sẽ không phải chịu trách nhiệm". Do sợ bị T và D1 đánh nên anh H2 phải nói theo nội dung T và D1 yêu cầu để D1 quay lại video clip. Sau khi nói xong, anh H2 tiếp tục đòi D1 trả lại điện thoại thì D1 nói "Mày có phải bố tao đâu mà tao phải trả". Khoảng 10 phút sau, anh D1 cùng bạn gái của anh D1 (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) điều khiển xe mô tô đi qua khu vực ghế đá chỗ anh H2 đang ngồi nên anh H2 gọi lại và nhờ anh D1 đòi điện thoại T và

D1 chiếm đoạt. Thấy anh D1 đi đến nên T cất giấu chiếc điện thoại chiếm đoạt được của anh H2 vào túi quần phía sau bên phải đang mặc. Lúc này, anh D1 có yêu cầu T và D1 trả lại điện thoại cho anh H2 nhưng T không trả nên xảy ra xô xát. Anh D1 có dùng tay phải đấm vào vùng mặt của Thanh một cái, sau đó T và Dương cầm theo chiếc điện thoại chiếm đoạt được của anh H2 mang về phòng trọ tại tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang cất giấu và sử dụng.

Đến ngày 05/8/2023, tại phòng trọ Thanh thoát tài khoản Icloud của anh H2 trên chiếc điện thoại Iphone 6s Plus và tháo sim chiếc điện thoại của anh H2 ra rồi vứt đi và tiếp tục sử dụng điện thoại của anh H2. Ngày 13/8/2023, do hết tiền chi tiêu nên T bảo D1 đem chiếc điện thoại chiếm đoạt được của anh H2 đến quán điện thoại "Thương N1" ở tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang để vay tiền và hẹn D1 sau khi vay được tiền thì lấy một ít tiền mua thức ăn, số tiền còn lại thì chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của T thì D1 đồng ý. Sau đó, Dương cầm chiếc điện thoại của anh H2 đến quán sửa chữa, mua bán điện thoại "Thương Ngọc" có địa chỉ tại tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang gặp và thỏa thuận với anh Thân Văn T2- sinh năm 1983, trú tại số A, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là chủ quán để vay anh T2 số tiền 500.000 đồng đồng thời để để lại chiếc điện thoại của anh H2 làm tin. Anh T2 đồng ý và viết giấy "Hóa đơn bán hàng" cho D1 và hẹn D1 đến ngày 19/08/2023 đến trả tiền, lấy lại chiếc điện thoại. D1 bảo anh T2 đưa cho D1 số tiền 50.000 đồng tiền mặt, còn lại số tiền 450.000 đồng thì D1 bảo anh T2 chuyển vào tài khoản số 699991112003 của T mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M). Sau khi nhận được tiền, D1 về phòng trọ thông báo cho T biết. Toàn bộ số tiền 500.000 đồng Thanh và D1 đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị chiếm đoạt chiếc điện thoại anh H2 nói cho chị Dương Thị H3- sinh năm 1987, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là mẹ đẻ của anh H2 biết nên chị H3 đã nhiều lần gọi điện nhắn tin cho T yêu cầu T trả lại điện thoại di động của anh H2 thì T sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max của D1 gửi hình ảnh Video clip T và D1 đã quay lại ép anh H2 nói theo nội dung T và D1 yêu cầu khi chiếm đoạt điện thoại của anh H2 vào ứng dụng Zalo của chị H3 và không trả lại điện thoại cho anh H2. Chiếc điện thoại di động XS Max của D1 sử dụng để quay video clip. Sau một thời gian, D1 đã bán cho người thanh niên không quen biết tại khu vực vỉa hè trong khu vực cụm C thuộc thôn H, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang được 3.800.000 đồng và đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cùng ngày 14/8/2023, anh Thân Văn T2 giao nộp cho Cơ quan điều tra gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, loại 32GB, số Imel: 353334079544314 và 01 hóa đơn bán hàng đề ngày 13/8/2023 (bản gốc) là hóa đơn bán hàng do anh Thân Văn T2 giao cho D1 khi D1 mang chiếc điện thoại nêu trên cầm cố cho anh T2 để vay số tiền 500.000 đồng. Ngày 15/8/2023, Cơ quan điều tra tiến hành xem xét dấu vết trên thân thể của anh H2; kết quả không phát hiện dấu vết thương tích gì.

Ngày 15/8/2023, Cơ quan điều tra cho anh Đặng Văn H2 và anh Hoàng Quốc B nhận dạng đối với Nguyễn Thế T và Nguyễn Thị Bạch D1. Kết quả anh H2 và anh B nhận ra T, D1 là người có hành vi đe dọa, đánh anh H2 sau đó chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus vào ngày 03/8/2023. Ngày 19/8/2023, Cơ quan điều tra tiến hành cho Nguyễn Thế T và Nguyễn Thị Bạch D1 xem lại hình ảnh Video clip ghi lại sự việc. Kết quả T và D1 đều khẳng định người trong Video clip có hành vi đe dọa, đánh rồi chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Đặng Văn H2 chính là T và D1. Cùng ngày 19/8/2023, Cơ quan điều tra tiến hành cho Nguyễn Thế T và Nguyễn Thị Bạch D1 xác định chiếc điện thoại mà anh Thân Văn T2 giao nộp. Kết quả T, D1 đều khẳng định chiếc điện thoại trên là do T, D1 chiếm đoạt được của anh H2 ngày 03/8/2023.

Ngày 08/9/2023, Nguyễn Thị Bạch D1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 hóa đơn bán hàng đề ngày 13/8/2023 là hóa đơn bán hàng do anh Thân Văn T2 giao cho D1 khi D1 khi cầm cố chiếc điện thoại cho anh T2 để vay số tiền 500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 142/KL-HĐĐGTS ngày 18/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, dung lượng 32GB có giá trị 1.000.000 đồng; 01 phôi sim điện thoại có giá trị 25.000 đồng. (Bút lục 91)

Ngày 21/5/2024, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15 màu xanh- đen của chị Nguyễn Thị H4 phát hiện tại ứng dụng thư mực hình ảnh, video có 02 file video clip quay lại hình ảnh của anh H2 nói khi bị T và D1 chiếm đoạt điện thoại. Cơ quan điều tra đã tiến hành sao lưu ra đĩa DVD- R để phục vụ điều tra.

Ngày 22/5/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an thị xã V tiến hành trưng cầu Phòng K Công an tỉnh B tiến hành giám định xác định nội dung 02 đoạn video thu giữ khi kiểm tra chiếc điện thoại di động của chị H4 có bị cắt ghép, chỉnh sửa không. Tại Bản kết luận giám định số 1166/KL-KTHS ngày 28/5/2024 của Phòng K- Công an tỉnh B kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 (hai) file video được lưu trữ trong đĩa DVD-R gửi giám định sau: File video có tên "5461208640908.mp4", dung lượng 7,20MB, thời lượng 00 phút 59 giây; File vedeo có tên "5461208643739.mp4, dung lượng 6,74MB, thời lượng 01 phút 37 giây.

Ngày 06/6/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho bị can Nguyễn Thế T và bị can Nguyễn Thị Bạch D1 xem lại nội dung video trong 02 file video đã thu giữ. Kết quả T và D1 đều khẳng định đó là video T và D1 đã yêu cầu và ép buộc anh H2 phải nói theo nội dung T và D1 yêu cầu sau khi đánh và chiếm đoạt điện thoại của anh H2 vào ngày 03/8/2024.

Ngày 26/5/2024, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho các bị can Nguyễn Thị Bạch D1 và Nguyễn Thế T cùng với bị hại là anh Đặng Văn H2 thực nghiệm diễn lại hành vi T và D1 đe dọa, đánh rồi chiếm đoạt điện thoại của anh H2. Kết quả bị can T và D1 đã thực hiện được các động tác đe dọa, đánh anh H2 để chiếm đoạt

điện thoại của anh H2; động tác ép, quay lại video buộc anh H2 phải nói theo nội dung T và D1 yêu cầu để chiếm đoạt điện thoại của anh H2.

Bản cáo trạng số: 166/CT-VKS ngày 11/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Thế T, Nguyễn Thị Bạch D1 về tội "*Cướp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bầy luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thế T 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội "*Cướp tài sản*" thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 8 năm 2023 đến ngày 23 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90, 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị Bạch D1 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng, 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo D1 cho UBND xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587 Điều 590, Bộ luật dân sự năm 2015

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thế T và anh Đặng Văn H2, bị cáo T có trách nhiệm trả anh H2 500.000đ và bồi thường 1.500.000đ (xác nhận bị cáo T đã nộp đủ số tiền này); anh Đặng Văn H2 được nhận lại số tiền 2.000.000đ theo biên lai thu số 1696 ngày 03/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, mỗi bị cáo T, D1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: Hành vi của bị cáo xuất phát từ sự bồng bột tuổi trẻ, thiếu am hiểu pháp luật và trước đó bị cáo, bị hại đã có mâu thuẫn, về hình phạt đề nghị cân nhắc áp dụng Điều 65 với bị cáo T vì bị cáo tuổi đời còn trẻ, thiếu am hiểu pháp luật, nghĩ đơn thuần sợ bị hại gọi người đánh mình nên mới phạm tội, bi cáo có nhân thân tốt chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, gia đình hoàn cảnh, hiện tại bố bị cáo đã chết, gia đình chỉ có hai mẹ con, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

Người bào chữa cho bị cáo D1: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo D1. Khi phạm tội bị cáo chưa thành niên nên việc hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bản thân và gia đình luôn tuân thủ quy định của pháp luật, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Kiểm sát viên đối đáp: Viện kiểm sát đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T. Bị cáo T là người khởi xướng việc chiếm đoạt điện thoại và bảo bị cáo D1 mang điện thoại đi cầm cố. Quá trình chiếm đoạt nhiều lần đánh anh H2 mục đích để anh H2 không đòi nữa, Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T, D1 xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Thế T và Nguyễn Thị Bạch D1 đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 03/8/2023, tại khu vực trước cửa quán bi-a "PARIS" thuộc tổ dân phố H, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Thế T, Nguyễn Thị Bạch D1 đã có hành vi đe dọa, dùng vũ lực bao gồm: chân, tay không tát, đá nhiều lần trúng vào vùng mặt anh H2 làm cho anh H2 lo sợ, không giám chống cự lại chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 1.025.000 đồng, bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus có giá trị 1.000.000 đồng; 01 phôi sim điện thoại có giá trị 25.000 đồng của anh Đặng Văn H2- sinh ngày 04/11/2006, trú tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp tài sản*", như vậy bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thế T, Nguyễn Thị Bạch D1 về tội "*Cướp tài sản*" khoản 1 Điều 68, Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây

mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo đồng phạm giản đơn, không có sự phân công phối hợp giữa các bị cáo, giữ vai trò chính là bị cáo T, bị cáo trực tiếp dùng vũ lực chiếm đoạt điện thoại của bị hại, tiếp theo là bị cáo D1 bị cáo dùng vũ lực chiếm đọa điện thoại và mang đi tiêu thụ.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

[6] Về nhân thân: Bị cáo T, D1 là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, D1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Thế T, Nguyễn Thị Bạch D1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; Bị cáo D1, T được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo T, D1 thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần căn cứ các Điều 90, 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành người có ích cho xã hội. Các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hinh sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy đối với bị cáo T, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng giữ vai trò chính trong vụ án do đó cần cách ly bị cáo một thời gian khỏi đời sống xã hội.

Bị cáo D1 có vai trò thứ yếu, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ do đó không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus do anh T2 giao nộp là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh H2 nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho anh H2.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị Bạch D1 đã tác động gia đình bồi thường cho anh Đặng Văn H2 số tiền 3.000.000 đến nay anh H2 không yêu cầu bị cáo D1 bồi thường gì thêm.

Anh H2 yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 500.000 đồng đã vay; quá trình truy tố bị cáo T đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số 1696 ngày 03/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại bao gồm: Trả lại anh H2 số tiền 500.000 đồng đã vay và tiền bồi thường tổn thất sức khỏe, tinh thần cho bị hại số tiền 1.500.000 đ, tại phiên tòa anh H2 và bị cáo T thống nhất thỏa thuận với bị cáo về bồi thường và việc trả nợ do vậy cần công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo T và bị hại anh H2, là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587 Điều 590, Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh T2 không yêu cầu bị cáo D1 phải hoàn trả lại số tiền 500.000 đồng đã vay; bà C, không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 2.000.000 đ dùng để bồi thường, anh H không yêu cầu bị cáo D1 trả lại số tiền đã bồi thường thay nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[12] Đối với người thanh niên tên D1 (là người quen biết cùng quê với anh H2; không biết họ tên đệm, tuổi và địa chỉ cụ thể) được anh H2 gọi bảo đến nói chuyện đòi lại điện thoại cho anh H2, anh H2 không bảo đến để đánh T. Tuy nhiên khi đòi điện thoại anh D1 đã có hành vi đấm vào mặt T; Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lại lịch của người tên D1 để triệu tập đến làm việc. Do T không bị thương tích gì, không yêu cầu đề nghị xử lý, không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[13] Về án phí: Bị cáo T, D1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật**.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thế T 02 năm tù về tội "*Cướp tài sản*" thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ từ ngày 14 tháng 8 năm 2023 đến ngày 23 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54,, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị Bạch D1 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo D1 cho UBND xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Bạch D2 thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

"*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo*".

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587 Điều 590, Bộ luật dân sự năm 2015

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thế T và anh Đặng Văn H2, bị cáo T có trách nhiệm trả anh H2 500.000đ và bồi thường 1.500.000đ (xác nhận bị cáo T đã nộp đủ số tiền này); anh Đặng Văn H2 được nhận lại số tiền 2.000.000đ theo biên lai thu số 1696 ngày 03/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Mỗi bị cáo Nguyễn Thế T, Nguyễn Thị Bạch D1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nghĩa có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND thị xã Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Công an thị xã Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS thị xã Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện